

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2367/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1996

Địa chỉ: 109 đường P, khu phố X, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1996

Địa chỉ: 109 đường P, khu phố X, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/10/2022, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị N thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 31/10/2016).

- Về con chung: Ông Phạm Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Văn D1, sinh ngày 27/01/2017. Bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Hoàn D2, sinh ngày 31/3/2018.

Về cấp dưỡng: Ông D, bà N không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự 300.000 đồng, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/10/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Văn D1, sinh ngày 27/01/2017 cho ông Phạm Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao con chung tên Phạm Hoàn D2, sinh ngày 31/3/2018 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ông D, bà N không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Ông D, bà N xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông D, bà N xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị N phải nộp lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ

phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0028847 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND phường T, Tp. Thủ Đức;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Quốc Lưu